

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN BIÊN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 11 - 5 - 2020  
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Nguyễn Khắc Hòa;

+ Ông Trần Văn Tảo.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Hải, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Vĩnh, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Phạm Văn T1**, sinh năm 1968; cư trú tại: Số x, ấp N, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị T2**, sinh năm 1968; cư trú tại: Số x, ấp N, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Phạm Văn T1 trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị T2 chung sống vợ chồng vào năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông yêu cầu được ly hôn với bà T2.

Về con chung: Ông và bà T2 có ba con chung là Phạm Thị T3, sinh năm 1992, Phạm Thị Ngọc T4, sinh năm 1993 và Phạm Thị Kiều T5, sinh năm 1995. Các con đều đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/3/2020, bà Trần Thị T2 trình bày:

Bà thống nhất với trình bày của ông T1 về hôn nhân và con chung nhưng bà chỉ đồng ý ly hôn khi ông T1 phân chia tài sản cho bà.

Tại phiên tòa:

Ông Phạm Văn T1 vẫn giữ nguyên ý kiến ban đầu.

Bà Nguyễn Thị T2 không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa XIV) đề nghị:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2.

Về con chung: Ông T1 và bà T2 có ba con chung là Phạm Thị T3, sinh năm 1992, Phạm Thị Ngọc T4, sinh năm 1993 và Phạm Thị Kiều T5, sinh năm 1995. Các con chung đều đã thành niên, ông T1 và bà T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T1 và bà T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông T1 chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị T2 yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nhưng không có đơn yêu cầu nên Tòa án không xem xét. Ghi nhận tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T2 không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung.

[2] Về hôn nhân: Ông Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 đến nay, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng không đăng ký kết hôn nên việc chung sống giữa ông T1 và bà

T2 không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó áp dụng Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T1 và bà T2.

[3] Về con chung: Gồm có ba con chung là Phạm Thị T3, sinh năm 1992, Phạm Thị Ngọc T4, sinh năm 1993 và Phạm Thị Kiều T5, sinh năm 1995. Các con chung đều đã thành niên, ông T1 và bà T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về hôn nhân) theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa XIV).

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa XIV):

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2.

2. Về con chung: Ông Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2 có ba con chung là Phạm Thị T3, sinh năm 1992, Phạm Thị Ngọc T4, sinh năm 1993 và Phạm Thị Kiều T5, sinh năm 1995. Các con chung đều đã thành niên, ông Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn T1 chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm (về hôn nhân) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do ông T1 đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007191 ngày 06/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Ông T1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án./.

### **Nơi nhận:**

- Phòng KTrNV-THA, TANDTTN;
- VKS huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (O).

**Nguyễn Thị Oanh-đã ký**